

Bản án số: 02/2025/KDTM-PT

Ngày 10 - 01- 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng.

Bà Đinh Cẩm Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2024/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số số: 25/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Tư vấn và đầu tư xây dựng H.

Địa chỉ: Số I, N, Khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Huỳnh C.

Địa chỉ: Số E, N, khu V, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Công K, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Số A, L, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty P – Công ty cổ phần (viết tắt là PVFCCo)

Địa chỉ: Số D, đường M, phường Đ, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T, bà Trần Thanh H1, bà Lê Thị T1.

Cùng địa chỉ: Số D, đường M, phường Đ, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Tư vấn và đầu tư xây dựng H là nguyên đơn và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH M) Huỳnh C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Ngày 11/6/2018, Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty H) ký Hợp đồng Tư vấn số 15/2018/HĐ-TV về việc tư vấn đo vẽ hiện trạng thửa đất, lập bản vẽ, thủ tục và xin giấy phép quy hoạch khu đất, khảo sát đo đạc địa hình, lập đề xuất dự án đầu tư -Xin cấp chứng nhận đầu tư, Lập dự án đầu tư xây dựng - Thiết kế cơ sở, Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công- dự toán, Xin phép xây dựng HTKT, Nhà ở đối với dự án Khu nhà ở liên kế tổ hợp Thương mại C tại phường E, thành phố C. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H đã thực hiện được các công việc theo hợp đồng và đã bàn giao sản phẩm cho Công ty H.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H đã tạm ứng số tiền 280.000.000 đồng từ Công ty H. Giá trị hoàn thành các phần việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền 1.088.796.000 đồng. Do Giám đốc Công ty TNHH MTV H (gọi tắt là Công ty H) là ông Châu Thành N phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” liên quan đến dự án trên nên hai bên không thể tiếp tục hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV. Tại bản án số 1002/2023/HS-PT ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh buộc Công ty H nộp lại số tiền 280.000.000 đồng đã tạm ứng của Công ty H. Do đó, hiện nay Công ty H yêu cầu Công ty H thanh toán cho Công ty H số tiền 1.088.796.000 đồng.

Đồng thời, ngày 05/7/2016, Công ty H và Công ty P có thỏa thuận hợp tác số 388A/2016/PVFCCo (gọi tắt là thỏa thuận hợp tác). Tại điểm 2.1 điều 2 của thỏa thuận hợp tác, phụ lục 01, 02 giữa Công ty H và Công ty P có liên quan đến nội dung hợp đồng tư vấn giữa Công ty H và Công ty H. Điểm c mục 3.1.1 điều 3 của Thỏa thuận hợp tác nêu thì công ty H có toàn quyền đầu tư, xây dựng, khai thác. Từ nội dung thỏa thuận này thì Công ty H mới ký hợp đồng tư vấn với Công ty H để thực hiện các mục của công trình Khu nhà ở liên kế thuộc Tổ hợp Thương mại C1. Căn cứ điểm b mục 3.2 điều 3 của Thỏa thuận hợp tác có nêu bên Công ty

H có quyền thay mặt bên Công ty D để ký các hợp đồng thực hiện các nội dung đề phục vụ dự án nêu trên.

Hiện nay Công ty P là người chiếm hữu và hưởng lợi các sản phẩm từ hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa Công ty H và Công ty H. Công ty P biết và đồng ý việc ký hợp đồng giữa Công ty H và Công ty H. Giữa Công ty H và Công ty P có các trao đổi trực tiếp qua mail về việc thực hiện các nội dung của hợp đồng tư vấn giữa Công ty H và Công ty H.

Từ đó Công ty H yêu cầu buộc Công ty P phải có nghĩa vụ liên đới với Công ty H trả cho Công ty H số tiền 1.088.796.000 đồng theo Hợp đồng số 15/2018/HĐ-TV ngày 11/6/2018 giữa Công ty H và Công ty H. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn trình bày:*

Thừa nhận ngày 11/6/2018, Công ty H và Công ty Đ có ký hợp đồng số 15/2018/HĐ-TV. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H đã tạm ứng số tiền 280.000.000 đồng. Ngày 31/12/2020, hai bên đã gặp nhau để đối chiếu công nợ có biên bản đối chiếu kèm theo, bên Công ty H còn nợ lại công ty H tổng số tiền 808.796.000 đồng. Tuy nhiên, do phía bên Công ty H đã nộp lại số tiền 280.000.000 đồng tạm ứng của Công ty H trước đây trong vụ án hình sự của ông Châu Thành N nên số tiền Công ty H còn nợ Công ty H tổng cộng là 1.088.796.000 đồng.

Ngày 05/7/2016 Công ty H và Công ty P có ký thỏa thuận hợp tác số 388A/2016/PVFCCo – Huỳnh Châu – Hợp tác với nội dung là chuyển mục đích sử dụng khu đất diện tích 1.23 hecta tại phường E, thành phố C để thực hiện dự án Khu nhà ở liên kế thuộc Tổ hợp Thương mại C1. Hai bên thỏa thuận phía bên Công ty H được quyền nhân danh bên PVFCCo toàn quyền thực hiện tất cả các thủ tục để đầu tư, xây dựng, chuyển mục đích sử dụng đất, xin phép xây dựng để thực hiện dự án trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do nhiều nguyên nhân nên kéo dài thời gian so với thỏa thuận. Sau đó, PVFCCo đơn phương chấm dứt thỏa thuận giữa hai bên nhưng không thông báo trước cho Công ty H. Do PVFCCo đã đơn phương chấm dứt hợp đồng làm cho Công ty H tổn thất và hiện nay PVFCCo là người thừa hưởng những sản phẩm mà phía bên Công ty H và Công ty H đã thực hiện tại Hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV. Nay Công ty đồng ý thanh toán cho Công ty H số tiền 1.088.796.000 đồng nhưng yêu cầu PVFCCo cùng có trách nhiệm liên đới với Công ty H trả số tiền 1.088.796.000 đồng cho bên Công ty H. Ngoài ra, Công ty không yêu cầu gì khác.

Theo các văn bản trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty P - CTCP trình bày: Tổng công ty là chủ đầu tư dự án trên khu đất 1.23ha thuộc tổ hợp Trung tâm thương mại C2 tại phường E, thành phố C. Căn cứ chủ

trương trong việc triển khai thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền của Tổng công ty phê duyệt thì Tổng công T2 và Công ty H có ký thỏa thuận hợp tác số 388A/2016/PVFCCo và phụ lục số 01, 02 ngày 05/7/2016. Nội dung của Thỏa thuận hợp tác liên quan đến việc phối hợp giữa các bên để thực hiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Quá trình thực hiện thỏa thuận hợp tác tại phụ lục 04 ký ngày 03/9/2019 có nêu thời hạn để bên H hoàn thành các thủ tục trước ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, đến ngày này thì Công ty H vẫn chưa thực hiện xong nên phía PVFCCo đã có thông báo số 796 ngày 19/5/2021 thông báo chấm dứt hợp đồng với Công ty H vì Công ty H vi phạm thỏa thuận hợp tác cụ thể là Công ty H đã có hành vi huy động vốn trái pháp luật vi phạm các nội dung trong thỏa thuận hợp tác mà hai bên đã ký kết. Hiện nay PVFCCo có sử dụng sản phẩm của Công ty H nhưng đây là sản phẩm do Công ty H bàn giao cho PVFCCo theo thỏa thuận hợp tác giữa hai bên.

PVFCCo được biết Công ty H và Công ty H có ký hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV. Chủ thể của hợp đồng này là Công ty H và Công ty H, nội dung hợp đồng không có điều khoản nào liên quan đến quyền và nghĩa vụ của PVFCCo, việc ký hợp đồng giữa Công ty H và Công ty H không có can thiệp, không có tác động. Do đó, PVFCCo không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn về việc yêu cầu PVFCCo cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Công ty H. Ngoài ra, PVFCCo không có yêu cầu nào khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên H thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền là 1.088.796.000 đồng (*Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

2/ Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH T về việc yêu cầu Tổng công ty P có trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH Một thành viên H thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền là 1.088.796.000 đồng theo Hợp đồng dịch vụ số 15/2018/HĐ-TV ngày 11/6/2018 giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH Một thành viên H.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chận thi hành và quyền kháng cáo.

Ngày 23/9/2024, Công ty TNHH T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm buộc Tổng công ty P – CTCP có trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH Một thành viên H thanh toán nợ.

Ngày 30/9/2024, Công ty TNHH Một thành viên H kháng cáo yêu cầu sửa án buộc Tổng công ty P có trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH Một thành viên H thanh toán số tiền 1.088.796.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Tư vấn và đầu tư xây dựng H và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH M) Huỳnh C. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2024/KDTM-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Tư vấn và đầu tư xây dựng H và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH M) Huỳnh C. Nội dung kháng cáo yêu cầu buộc Tổng công ty P – CTCP liên đới cùng Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH M) Huỳnh C thanh toán số tiền buộc trả.

[2] Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên H và yêu cầu Tổng công ty P cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền còn nợ tại Hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV ngày 16/11/2018 là 1.088.796.000 đồng. Bị đơn Công ty H đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.088.796.000 đồng và yêu cầu PVFCCo cùng có trách nhiệm liên đới với Công ty H trả cho Công ty H. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổng công ty P (P) không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn.

Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn về chủ thể ký hợp đồng tư vấn 15/2018/HĐ-TV ngày 11/6/2018 chỉ có 02 chủ thể là Công ty H và Công ty H, trong đó Công ty H là chủ đầu tư, Công ty H2 nhà thầu. Ngoài hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV thì giữa Công ty H và Công ty H không có ký thêm phụ lục hợp đồng nào khác. Theo nội dung hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV thể hiện sau khi Công ty H thực hiện các phần việc nêu tại hợp đồng thì Công ty H sẽ thanh toán giá trị tương ứng do hai bên thỏa thuận. Đồng thời, theo quy định tại điều 513, 514, 515 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng dịch vụ và đối tượng của hợp đồng như sau: *“hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ”, “đối tượng của hợp đồng dịch vụ là công việc có thể thực hiện được, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội”,* theo đó nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ là *“...trả tiền dịch vụ cho*

bên cung ứng dịch vụ theo thỏa thuận”. Như vậy, đây là hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai chủ thể là Công ty H là Công ty H. Công ty H là bên cung ứng dịch vụ, Công ty H là bên sử dụng dịch vụ. Do đó, theo quy định thì Công ty H phải có trách nhiệm thanh toán tiền cho Công ty H như đúng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại các điều khoản trong hợp đồng chỉ quy định về quyền và nghĩa vụ giữa Công ty H và Công ty H, không có điều khoản nào ràng buộc trách nhiệm hay liên quan đến PVFCCo. Tổng công ty P không phải là chủ thể của hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV ngày 11/6/2018. Tại các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng không thể hiện PVFCCo có liên quan đến hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV ngày 11/6/2018. Do đó, hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV ngày 11/6/2018 chỉ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa Công ty H và Công ty H không liên quan đến PVFCCo.

[3] Xét yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu PVFCCo cùng có trách nhiệm liên đới với Công ty H thanh toán cho Công ty H số tiền 1.088.796.000 đồng vì PVFCCo là đơn vị đang chiếm hữu và sử dụng sản phẩm của Công ty H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu này của bị đơn trùng với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời trong vụ án này người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là PVFCCo cũng không có yêu cầu độc lập nên yêu cầu của bị đơn không phải là yêu cầu phản tố nên không cần phải nộp đơn theo quy định. Tuy nhiên, ý kiến của bị đơn không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: hợp đồng tư vấn số 15/2018/HĐ-TV ngày 11/6/2018 giữa Công ty H với Công ty H và Thỏa thuận hợp tác số 388A/2016/PVFCCo và phụ lục số 01, 02 ngày 05/7/2016 giữa Công ty H và PVFCCo là hai hợp đồng độc lập, các chủ thể trong hợp đồng khác nhau và nội dung của hai hợp đồng không có nội dung liên quan hay ràng buộc trách nhiệm của các bên. Trường hợp Công ty H3 thấy quyền lợi của Công ty H bị xâm phạm do phát sinh từ thỏa thuận 388A thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác. Án sơ thẩm cũng đã giành quyền khởi kiện cho Công ty H nên không ảnh hưởng quyền lợi của đương sự.

[4] Đối với việc Công ty H hiện đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh, hiện nay cũng chưa có tài liệu chứng cứ chứng minh của cơ quan thẩm quyền xác định Công ty H giải thể cho nên án sơ thẩm buộc Công ty H thanh toán nợ là phù hợp.

[5] Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 191/2024/QĐ-SCBSQĐ ngày 11/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau sửa chữa, bổ sung Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2024/KDTM-ST ngày 12/8/2024 thành Bản án số 25/2024/KDTM-ST. Đối với ngày tháng năm dự nộp án phí bản án sơ thẩm ghi có sai số năm “2014” là không đúng, mà phải là “2024” nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại đúng theo biên lai.

Từ các phân tích trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn và người liên quan liên đới thanh toán nợ là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không đưa ra tài liệu chứng cứ nào mới, để làm căn cứ kháng cáo và cũng như các phân tích trên, cho nên không chấp nhận kháng cáo.

[6] Ý kiến phát biểu của đại viện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Đề nghị này là phù hợp với các phân tích trên.

[7] Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên H phải chịu là 44.663.880 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi đồng*) (chưa nộp).

Công ty TNHH T không phải chịu án phí. Ngày 11/4/2024, Công ty TNHH T đã dự nộp số tiền 22.332.000 đồng, theo biên lai số 008394 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại toàn bộ.

[8] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T và Công ty TNHH Một thành viên Huỳnh Châu

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2024/KDTM-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên H thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền là 1.088.796.000 đồng (*Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày Công ty TNHH T có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty TNHH Một thành viên H không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH T về việc yêu cầu Tổng công ty P có trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH Một thành viên H thanh toán cho Công ty TNHH T tổng số tiền là 1.088.796.000 đồng theo Hợp đồng dịch vụ số 15/2018/HĐ-TV ngày 11/6/2018 giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH Một thành viên H.

3/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty TNHH Một thành viên H phải chịu là 44.663.880 đồng (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi đồng*) (chưa nộp).

Công ty TNHH T không phải chịu án phí. Ngày 11/4/2024, Công ty TNHH T đã dự nộp số tiền 22.332.000 đồng, theo biên lai số 008394 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại toàn bộ.

4/ Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH T và Công ty TNHH Một thành viên H phải chịu mỗi người 2.000.000 đồng. Ngày 26/9/2024, Công ty H đã nộp 2.000.000 đồng (lai số 0009293). Ngày 09/10/2024, Công ty H đã dự nộp 2.000.000 đồng (lai số 0009404) tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau. Được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

